

Số: 02./2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155”); và Nghị định sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông;

Căn cứ Tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản v/v Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 ngày 16/12/2025 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MKG ngày 31/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông thông qua các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

Căn cứ số Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT ngày 07/01/2026 về việc Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2025 (“Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT”);

Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 02./BB-HĐQT ngày 19 /01/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Danh sách Người lao động (“Thành viên ESOP”) được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2025 (“Danh sách Thành viên ESOP”) và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng Thành viên ESOP đính kèm Nghị quyết này, và Danh sách này thay thế cho Danh sách Thành viên ESOP ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT.

Điều 2: Ngoại trừ Danh sách Thành viên ESOP đính kèm Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT được thay thế bằng Danh sách Thành viên ESOP ban hành kèm theo Nghị quyết này, các nội dung khác của Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT vẫn còn hiệu lực.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kiều Xuân Nam

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐQT ngày .../01/2026)

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Tổng gian thời gian công tác (Tháng)	Hệ số vị trí (1)	Hệ số thâm niên (2)	Hệ số mức độ hoàn thành công việc (3)	Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP ((4)=(1)*(2)*(3)) (i)	Số lượng cổ phiếu mỗi Thành viên ESOP được mua (ii)
1	Kiều Xuân Nam	Chủ tịch HĐQT	CTCP TĐ Nam Mê Kông	62	20	2,0	8,00	320	320.000
2	Đặng Minh Huệ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP TĐ Nam Mê Kông	247	15	2,0	8,33	250	250.000
3	Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	CTCP TĐ Nam Mê Kông	69	12	2,0	9,17	220	220.000
4	Phạm Xuân Uông	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	CTCP TĐ Nam Mê Kông	73	12	2,0	9,17	220	220.000
5	Võ Đình Lượng	Phó Tổng giám đốc	CTCP TĐ Nam Mê Kông	51	8	2,0	3,75	60	60.000
6	Kiều Xuân Phan	Thư ký HĐQT - Người phụ trách quản trị Công ty	CTCP TĐ Nam Mê Kông	41	8	2,0	5,63	90	90.000
7	Trần Văn Trúc	Trưởng ban TCKT	CTCP TĐ Nam Mê Kông	74	8	2,0	6,25	100	100.000

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Tổng thời gian công tác (Tháng)	Hệ số vị trí (1)	Hệ số thâm niên (2)	Hệ số mức độ hoàn thành công việc (3)	Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP ((4)=(1)*(2)*(3)) (i)	Số lượng cổ phiếu mỗi Thành viên ESOP được mua (ii)
8	Lê Anh Tuấn	Giám đốc BQLDA kiểm Giám đốc BQLDA Nhà ở xã hội Bảo Ninh 2	CTCP TD Nam Mê Kông	256	5	2,0	3,00	30	30.000
9	Phạm Thị Vân	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	CTCP TD Nam Mê Kông	65	5	2,0	5,00	50	50.000
10	Nguyễn Tuấn Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	CTCP TD Nam Mê Kông	25	5	1,5	6,67	50	50.000
11	Phan Tạ Thanh Huyền	Kế toán Trưởng	CTCP TD Nam Mê Kông	285	5	2,0	6,00	60	60.000
12	Đặng Văn Sang	Phó BQL dự án Phố Yên	CTCP TD Nam Mê Kông	186	3	2,0	1,67	10	10.000
13	Vũ Đức Long	Phó giám đốc BQLDA Nhà ở xã hội Bảo Ninh 2	CTCP TD Nam Mê Kông	38	3	2,0	1,67	10	10.000
14	Nguyễn Thị Thu Nga	Phó ban HCNS	CTCP TD Nam Mê Kông	223	3	2,0	3,33	20	20.000
15	Lê Anh Tuấn	Phó BXD	CTCP TD Nam Mê Kông	30	3	1,5	6,67	30	30.000
16	Ứng Quang Sơn	Phó ban TCKT	CTCP TD Nam Mê Kông	14	3	1,5	6,67	30	30.000
17	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Chuyên viên HCNS	CTCP TD Nam Mê Kông	230	2	2,0	5,00	20	20.000

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Tổng gian thời gian công tác (Tháng)	Hệ số vị trí (1)	Hệ số thâm niên (2)	Hệ số mức độ hoàn thành công việc (3)	Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP ((4)=(1)*(2)*(3)) (i)	Số lượng cổ phiếu mỗi Thành viên ESOP được mua (ii)
18	Đào Thị Thuý Ngà	Chuyên viên HCNS	CTCP TĐ Nam Mê Kông	307	2	2,0	2,50	10	10.000
19	Luyện Ngọc Linh	Chuyên viên HCNS	CTCP TĐ Nam Mê Kông	86	2	2,0	2,50	10	10.000
20	Đỗ Mạnh Hùng	Lái xe con Ban HCNS	CTCP TĐ Nam Mê Kông	116	2	2,0	2,50	10	10.000
21	Nguyễn Quốc Khánh	Lái xe con Ban HCNS	CTCP TĐ Nam Mê Kông	110	2	2,0	2,50	10	10.000
22	Mai Quốc Vương	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	65	2	2,0	2,50	10	10.000
23	Nguyễn Thị Ánh Mình	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	196	2	2,0	2,50	10	10.000
24	Hà Anh Tuấn	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	76	2	2,0	2,50	10	10.000
25	Kim Hồng Phong	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	78	2	2,0	2,50	10	10.000
26	Trần Lê Phương	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	78	2	2,0	2,50	10	10.000
27	Trần Quang Toàn	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	38	2	2,0	2,50	10	10.000
28	Phùng Tuấn Quý	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	39	2	2,0	2,50	10	10.000
29	Nguyễn Hữu Thọ	Chuyên viên ban ĐT&PT dự án	CTCP TĐ Nam Mê Kông	139	2	2,0	2,50	10	10.000

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Tổng thời gian công tác (Tháng)	Hệ số vị trí (1)	Hệ số thâm niên (2)	Hệ số mức độ hoàn thành công việc (3)	Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP ((4)=(1)*(2)*(3)) (i)	Số lượng cổ phiếu mỗi Thành viên ESOP được mua (ii)
30	Nguyễn Thành Đạt	Cán bộ Kỹ thuật BQLDA Bảo Ninh 2	CTCP TĐ Nam Mê Kông	38	2	2,0	2,50	10	10.000
31	Nguyễn Duy Hào	Cán bộ Kỹ thuật BQLDA Bảo Ninh 2	CTCP TĐ Nam Mê Kông	248	2	2,0	2,50	10	10.000
32	Nguyễn Hữu Đức	Cán bộ Kỹ thuật BQLDA Bảo Ninh 2	CTCP TĐ Nam Mê Kông	38	2	2,0	2,50	10	10.000
33	Nguyễn Văn Hiếu	Cán bộ Kỹ thuật BQLDA Bảo Ninh 2	CTCP TĐ Nam Mê Kông	65	2	2,0	2,50	10	10.000
34	Nguyễn Duy Long	Cán bộ Kỹ thuật BQLDA Bảo Ninh 2	CTCP TĐ Nam Mê Kông	245	2	2,0	2,50	10	10.000
35	Đỗ Trọng Hải	Cán bộ Kỹ thuật Ban điều hành dự án BN 2	CTCP TĐ Nam Mê Kông	252	2	2,0	2,50	10	10.000
36	Phan Thị Nga	Chuyên viên Ban TCKT	CTCP TĐ Nam Mê Kông	17	2	1,5	6,67	20	20.000
37	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên Ban TCKT	CTCP TĐ Nam Mê Kông	12	2	1,5	6,67	20	20.000
38	Đặng Thị Hào	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	235	2	2,0	3,75	15	15.000
39	Vũ Thị Dương	Chuyên viên BXD	CTCP TĐ Nam Mê Kông	237	2	2,0	3,75	15	15.000
40	Hà Thị Thúy Phương	Chuyên viên Ban TCKT	CTCP TĐ Nam Mê Kông	262	2	2,0	5,00	20	20.000

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Tổng thời gian công tác (Tháng)	Hệ số vị trí (1)	Hệ số thâm niên (2)	Hệ số mức độ hoàn thành công việc (3)	Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP ((4)=(1)*(2)*(3)) (i)	Số lượng cổ phiếu mỗi Thành viên ESOP được mua (ii)
41	Nguyễn Văn Minh	Lái xe con Ban HCNS	CTCP TD Nam Mê Kông	193	2	2,0	5,00	20	20.000
42	Nguyễn Mạnh Dũng	Lái xe con kiêm giám sát an ninh công trường	CTCP TD Nam Mê Kông	34	2	1,5	10,00	30	30.000
43	Chu Nam Thắng	Chuyên viên BXD	CTCP TD Nam Mê Kông	43	2	2,0	7,50	30	30.000
44	Đỗ Trường Giang	Chuyên viên ban ĐT&PT dự án	CTCP TD Nam Mê Kông	110	2	2,0	7,50	30	30.000
45	Hà Ngọc Tuyền	Chuyên viên ban ĐT&PT dự án	CTCP TD Nam Mê Kông	175	2	2,0	7,50	30	30.000
46	Nguyễn Khắc Huy	Nhân viên quản trị BQL dịch vụ dự án Trung Văn	CTCP TD Nam Mê Kông	272	1	2,0	2,50	5	5.000
47	Trần Văn Tam	Nhân viên quản trị BQL dịch vụ dự án Trung Văn	CTCP TD Nam Mê Kông	219	1	2,0	2,50	5	5.000
48	Nguyễn Văn Nhân	Nhân viên quản trị BQL dịch vụ dự án Trung Văn	CTCP TD Nam Mê Kông	163	1	2,0	2,50	5	5.000
49	Kiều Thị Viễn	Nhân viên phục vụ Ban HCNS	CTCP TD Nam Mê Kông	146	1	2,0	2,50	5	5.000
TỔNG								2.000	2.000.000

Ghi chú

(i) Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP được xác định như sau:

- Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng Thành viên ESOP:
+ Hệ số vị trí công tác:

Chức danh/Vị trí công tác	Hệ số vị trí (1)
Chủ tịch HĐQT	20
Tổng Giám đốc	15
Thành viên HĐQT	12
Ban lãnh đạo	8
Trưởng Ban	5
Phó Ban	3
Chuyên viên	2
Nhân viên	1

+ Hệ số thâm niên:

Thâm niên (Tháng)	Hệ số thâm niên (2)
Từ 12 tháng đến 36 tháng	1,5
Từ 36 tháng trở lên	2

+ Điểm đánh giá hiệu quả công việc:

Mức độ hoàn thành công việc	Hệ số mức độ hoàn thành công việc (3)
Xuất sắc	8 - 10 điểm
Hoàn thành tốt	7 - 8 điểm
Hoàn thành khá	5 - 7 điểm
Hoàn thành	1 - 5 điểm

- Xác định Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP bằng công thức:

$$\text{Hệ số cá nhân của Thành viên ESOP} = C_i^{CT} \times C_i^{TN} \times C_i^{KPI}$$

Trong đó:

C_i^{CT} : là hệ số vị trí công tác của Thành viên ESOP i;

C_i^{TN} : là hệ số thâm niên của Thành viên ESOP i;

C_i^{KPI} : là điểm đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Thành viên ESOP i.

(ii) Việc xác định số cổ phiếu được phân phối theo từng đối tượng được thực hiện căn cứ trên công thức sau:

- Xác định Số lượng cổ phiếu mỗi Thành viên ESOP được mua theo công thức:

$$\begin{array}{c} \text{Số lượng cổ} \\ \text{phiếu mỗi} \\ \text{Thành viên} \\ \text{ESOP được} \\ \text{mua} \end{array} = \frac{\text{Tổng số cổ phiếu ESOP phát hành trong đợt}}{\text{Tổng Hệ số cá nhân của tất cả đối tượng được mua cổ phiếu ESOP năm 2025}} \times \begin{array}{c} \text{Hệ số cá} \\ \text{nhân của} \\ \text{Thành viên} \\ \text{ESOP} \end{array}$$